

Số: 24 /NQ-TMC-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức;

Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức thông qua ngày 31/3/2025;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức ngày 31/3/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức ngày 31/3/2025 đã biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 (Báo cáo đính kèm).
2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (Báo cáo đính kèm), trong đó có một số chỉ tiêu chính như sau:
 - 2.1. Kết quả kinh doanh năm 2024

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024				
		TH năm 2023	KH	TH	%KH	%/TH 2023
1. Sản lượng	m3					
- Sản lượng KDXD	“	126.034	127.100	128.443	101%	102%
- Sản lượng DMN	“	84.321	75.000	81.000	108%	96%
2. Doanh thu	Tỷ.đ	2.539	2.372,6	2.489	105%	98%
-Kinh doanh xăng dầu	“	2.428	2.145,7	2.398,31	112%	99%
-Kinh doanh, dịch vụ khác	“	111	96,7	90,96	94%	82%
Lợi nhuận trước thuế	“	15,3	10,1	12,75	126%	83%
Các khoản nộp NSNN	“	18	21,8	25,19	116%	140%

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

- Sản lượng KD xăng dầu : 127.000 m3
- Doanh thu : 1.909,1 tỷ đồng



M

- Lợi nhuận trước thuế : 10 tỷ đồng.
- 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thẩm định tình hình hoạt động, tài chính của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2024, báo cáo tự đánh giá về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (Báo cáo đính kèm).
- 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Tờ trình đính kèm), trong đó có các chỉ tiêu chính sau:
- 4.1. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2024
I	TỔNG TÀI SẢN	337.194.388.638
1	Tài sản ngắn hạn	173.003.579.142
2	Tài sản dài hạn	164.190.809.496
II	TỔNG NGUỒN VỐN	337.194.388.638
1.	Nợ phải trả	143.284.393.803
2.	Vốn chủ sở hữu	193.909.994.835

4.2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2024
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.489.000.782.722
2.	Lợi nhuận trước thuế	12.753.847.514
3.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.024.304.981

- 5. Thông qua Tờ trình về việc quyết toán tiền lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty (Tờ trình đính kèm).
- 5.1. Thù lao thực hiện của TVHĐQT, TVBKS không chuyên trách.

STT	Chức danh	Thực hiện năm 2024 (Tr.đồng)	Kế hoạch năm 2025 (Tr.đồng)
1	TVHĐQT	4,5 Tr.đ/người/tháng	4,5 Tr.đ/người/tháng
2	Kiểm soát viên	3 Tr.đ/người/tháng	3 Tr.đ/người/tháng

- Tổng thù lao của TVHĐQT không chuyên trách thực hiện năm 2024 là: 216 triệu đồng.
- Kế hoạch thù lao của TVHĐQT không chuyên trách năm 2025 là: 216 triệu đồng.

- Tổng thù lao của TVBKS không chuyên trách thực hiện năm 2024 là: 72 triệu đồng.
 - Kế hoạch thù lao của TVBKS không chuyên trách năm 2025 là: 72 triệu đồng.
- 5.2. Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách:
- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát và Người quản lý chuyên trách được hưởng lương, thưởng theo Quy chế trả lương của Công ty và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Chức danh	Số người	Thực hiện năm 2024 (Tr.đ/năm)	Kế hoạch năm 2025 (Tr.đ/năm)	Ghi chú
Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Ban điều hành	7	5.216	4.385	

5.3. Quỹ thưởng Người quản lý

- Thực hiện năm 2024: 650 Triệu đồng.
 - Kế hoạch năm 2025:
 - + Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.
 - + Lợi nhuận thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách.
6. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 (Tờ trình đính kèm).

6.1. Thực hiện năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển qua		1.262.788.848
2	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2024		10.024.304.981
3	Trích các quỹ năm 2024	40%	4.009.721.991
-	Quỹ đầu tư phát triển	8%	801.944.398
-	Quỹ khen thưởng	3%	300.729.149
-	Quỹ phúc lợi	22,5%	2.257.048.444
-	Quỹ thưởng người quản lý	6,5%	650.000.000
4	LNST chưa phân phối 2024 sau khi trích các quỹ (4=1+2-3)		7.277.371.838
5	Chia cổ tức 2024	5%	6.200.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau (7=4-5)		1.077.371.838

6.2. Kế hoạch năm 2025

Stt	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	LNST
2	Các khoản được trích vào LNST theo quy định	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 trước khi trích lập các quỹ	$3 = 1 - 2$
4	Trích lập các quỹ: - Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi của NLĐ - Quỹ thưởng Người quản lý - Quỹ Đầu tư Phát triển	Dự kiến 40% Lợi nhuận sau thuế năm 2025. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Công ty chủ động thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị
5	Lợi nhuận còn lại năm 2025 sau khi trích lập các quỹ	$5 = 3 - 4$
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
7	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2025	$7 = 5 + 6$
8	Chia cổ tức năm 2025	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

7. Thông qua Tờ trình danh sách lựa chọn Đơn vị kiểm toán năm 2025 (Tờ trình đính kèm).

Trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán trong danh sách dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét báo cáo tài chính hàng quý:

- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (AN VIỆT CPA)
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế (ICPA)

8. Thông qua việc chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần (PVOIL) và các Đơn vị thành viên của PVOIL (Tờ trình đính kèm):

- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PVOIL Thái Bình)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PVOIL Nam Định)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng (PVOIL Hải Phòng)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân (PVOIL Cái Lân)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (PVOIL Phú Thọ)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (PVOIL Thanh Hóa)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (PVOIL Vũng Áng)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung (PVOIL Miền Trung)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PVOIL Phú Yên)

- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (PVOIL Bình Thuận)
- Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mê Kông (Petromekong)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (PVOIL Bạc Liêu)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (PVOIL Trà Vinh)
- Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình (Thái Bình PSC)
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)
- Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)

9. Thông qua việc chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) (Tờ trình đính kèm).
10. Thông qua việc chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID), Công ty mẹ của SCID (Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op)) và các đơn vị thành viên của Saigon Co.op (Tờ trình đính kèm).
11. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị (Tờ trình đính kèm). Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung nói trên theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 31/3/2025. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VT, HĐQT, LTTH(02b).



Nguyễn Đức Thắng

Số: 01/BC-ĐHCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Ban Giám đốc xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Đặc điểm tình hình

a. Tình hình thế giới:

Các thành viên OPEC+ duy trì hoặc cắt giảm sản lượng để giữ giá dầu ở mức cao, nhưng áp lực từ các nền kinh tế yếu kém có thể giảm nhu cầu. Dự báo của EIA (Mỹ) chỉ ra khả năng thâm hụt nguồn cung toàn cầu trong quý đầu năm 2024 khoảng 800.000 thùng/ngày. Giá dầu Brent được kỳ vọng dao động từ 80–100 USD/thùng

Trong nửa cuối năm 2024, OPEC+ có thể nới lỏng hạn mức sản xuất, dẫn đến giá dầu giảm nhẹ, tuy nhiên, các yếu tố địa chính trị và suy giảm kinh tế toàn cầu tiếp tục gây ảnh hưởng khó đoán.

Nhu cầu xăng dầu tăng chậm lại, chủ yếu từ Trung Quốc và các nước phát triển. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm xuống 2,9%, làm suy yếu động lực tiêu thụ dầu mỏ.

b. Tình hình trong nước:

Giá xăng dầu trong nước chịu ảnh hưởng lớn từ diễn biến giá dầu thế giới. Chính phủ và các doanh nghiệp đầu mối lớn tiếp tục thực hiện các biện pháp bình ổn thị trường, đảm bảo nguồn cung và kiểm soát chất lượng.

Giá xăng dầu trong nước đang bám sát diễn biến thị trường quốc tế. Từ đầu tháng 12, giá xăng RON95 giảm nhẹ, duy trì ở mức khoảng 20.600 đồng/lít. Tuy nhiên, giá quốc tế vẫn tiềm ẩn rủi ro do sự điều chỉnh sản lượng của OPEC+ và biến động địa chính trị, dù nhu cầu yếu từ nền kinh tế toàn cầu đang tạo áp lực giảm giá.

Năm 2024 tiếp tục là năm khó khăn đối với kinh tế. Bên cạnh đó, chủ trương xây dựng các công trình trọng điểm của Thành phố cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quy mô cửa hàng xăng dầu của Công ty.



Những tác động của nền kinh tế cũng đang ảnh hưởng rất lớn đến các mảng kinh doanh dịch vụ ngoài xăng dầu của Công ty như hoạt động tại Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy và cho thuê mặt bằng trong năm 2024 gặp nhiều khó khăn.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024				
		TH năm 2023	KH	TH	%KH	%/TH 2023
1. Sản lượng	m ³					
- Sản lượng KD XD	“	126.034	127.100	128.443	101%	102%
- Sản lượng DMN	“	84.321	75.000	81.000	108%	96%
2. Doanh thu	Tỷ.đ	2.539	2.372,6	2.489	105%	98%
-Kinh doanh xăng dầu	“	2.428	2.145,7	2.398,31	112%	99%
-Kinh doanh, dịch vụ khác	“	111	96,7	90,96	94%	82%
Lợi nhuận trước thuế	“	15,3	10,1	12,75	126%	83%
Các khoản nộp NSNN	“	18	21,8	25,19	116%	140%

- Nhìn chung tình hình kinh doanh trong năm 2024 Công ty đã thực hiện tốt, sản lượng thực hiện vượt kế hoạch năm.
- Sản lượng xăng dầu tiêu thụ năm 2024 là 128.443 m³, đạt 101% so với kế hoạch năm.
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xăng dầu thực hiện năm 2024 là 2.398,31 tỷ đạt 112% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 12,75 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch năm.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

- Đầu tư xây dựng cơ bản:

Timexco đã triển khai sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu và các điểm kinh doanh đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, gồm:

+ Nâng nền CHXD 2; cải tạo sửa chữa CHXD số 29; sửa chữa nhà hàng tiệc cưới Róse Palace 746 Kha Vạn Cân và trang bị lắp đặt bảng hiệu cho khách hàng tại Tp. HCM, Đồng Nai...;

- + Nâng cấp thay thế bộ chỉ thị điện tử tại các CHXD trực thuộc đáp ứng nghị định số 123/20220/NĐ-CP
- + Hoàn thành việc cải tạo, sửa chữa các CHXD theo đề án 1114
- + Triển khai hồ sơ sửa chữa Văn phòng 740A Võ Nguyên Giáp, phường Hiệp Phú
- + Xử lý các tồn đọng trong công tác đầu tư, hồ sơ pháp lý các khu đất:

+Tiếp tục hoàn thiện thủ tục gia hạn thời gian sử dụng đất tại CHXD số 5, văn phòng công ty 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức.

-Phát triển hệ thống: Số CHXD phát triển mới trong kỳ: 3 CHXD (CHXD số 26, CHXD số 27, CHXD số 29), đạt 150% so với kế hoạch 2024.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	49,84	51,31
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	50,16	48,69
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,38	42,49
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	%	88,52	90,22
Nợ dài hạn/Nợ phải trả	%	11,48	9,78
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	56,62	57,51
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,3	1,34
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,79	0,98

2. Tình hình nợ phải trả

- Tổng các khoản nợ ngắn hạn là 129.269.545.349 đồng.

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 dự báo tình hình kinh doanh xăng dầu sẽ còn nhiều diễn biến khó lường. Công ty xây dựng kế hoạch năm 2025 căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2024, trên tinh thần cẩn trọng và hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam về chiết khấu hoa hồng, giá bán xăng dầu các loại.

1. Các chỉ tiêu chính

- Sản lượng KD xăng dầu : 127.000 m³
- Doanh thu : 1.909,1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 10 tỷ đồng.

2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025

1. Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty và phù hợp với đặc điểm, tình hình tại đơn vị; phân đầu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh;
2. Tập trung gia tăng sản lượng bán lẻ thông qua các CHXD hiện hữu và phát triển mới trong năm 2025. Đẩy mạnh triển khai chương trình PVOIL Easy, PVOIL B2B, PVOIL

4U và các hình thức bán hàng ứng dụng CNTT khác cùng với đa dạng hóa các hình thức thanh toán phi tiền mặt (QR code, mobile money...);

3. Tiếp tục tìm kiếm cơ hội phát triển CHXD theo nhiều hình thức (thuê dài hạn, tự đầu tư, hợp tác đầu tư, giới thiệu cơ hội để Tổng công ty đầu tư/thuê thành công sau đó giao cho ĐVTV thuê khai thác...) trên cơ sở cân đối được nguồn vốn phù hợp với quy định và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát đối với công tác đầu tư CHXD để đảm bảo đầu tư hiệu quả và không để xảy ra thua lỗ/mất vốn;

4. Đẩy mạnh triển khai đầu tư và kinh doanh các dịch vụ phi xăng dầu (non-oil) tại CHXD, trạm dịch vụ xe tải đường dài;

5. Thực hiện nghiêm túc Đề án 1114 về “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD”;

6. Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn - phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động SXKD;

7. Quyết liệt xử lý các tồn tại để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định pháp luật;

8. Tập trung vào lĩnh vực chính là kinh doanh xăng dầu; Duy trì các lĩnh vực kinh doanh ngoài xăng dầu để có cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và hiệu quả.

9. Tăng cường sử dụng sản phẩm/ dịch vụ của PVOIL Trans, Thái Bình PSC. Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh dầu mỡ nhờn PVOIL Lube;

10. Về công tác quản trị:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, xử lý dứt điểm để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định;
- Tăng cường kiểm soát, tiết giảm chi phí, giá thành, thực hiện chi phí phải gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, đẩy mạnh triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Đẩy mạnh việc triển khai công tác chuyển đổi số nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác hiện đại hóa trụ bơm nhằm tạo nền tảng vững chắc cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong kinh doanh bán lẻ và đa dạng hóa các hình thức thanh toán không tiền mặt;
- Rà soát/xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc (KPIs) tại Đơn vị nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có và đáp ứng yêu cầu phát triển của Đơn vị;

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty thường xuyên tổ chức đo kiểm chất thải, nước thải, đo kiểm các chỉ tiêu về vi khí hậu, môi trường làm việc tại các CHXD. Việc đo, kiểm được cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ mỗi năm 02 lần và kết quả các chỉ số đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
- Công ty đã trang bị các thùng rác có nhãn nhận biết loại rác sinh hoạt hay rác thải rắn nguy hại tại các điểm kinh doanh trực thuộc và văn phòng Công ty và được các đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.
- Việc quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Công ty làm thêm ủng hộ, hỗ trợ đồng bào thiên tai, bão lũ và các hoạt động an sinh khác.
- Tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho Cán bộ nhân viên, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về an toàn lao động- môi trường- PCCC.
- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ, đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh cho NLĐ.

Trên đây là Báo cáo của Ban Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức. Kính chúc Quý Cổ đông, Quý vị khách mời sức khỏe và thành công.

GIÁM ĐỐC N



Lại Thế Nghĩa

Số: 02/BC-ĐHCD

Tp HCM, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của HĐQT như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

1. Kết quả kinh doanh năm 2024

Hoạt động kinh doanh xăng dầu năm 2024 vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Đối mặt với những khó khăn và thách thức, Công ty luôn nỗ lực phấn đấu để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh chiết khấu thấp, chi phí kinh doanh xăng dầu tăng cao. Kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

- Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2024 là 128.443,12 m³, đạt 101% kế hoạch năm.
- Doanh thu năm 2024 là 2.489 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 12,75 tỷ, đạt 126% kế hoạch năm.
- Kế hoạch phát triển hệ thống: trong năm Công ty đã thuê và đưa vào hoạt động mới được 3 CHXD, đạt 150% kế hoạch phát triển CHXD.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty, không để phát sinh các khoản nợ xấu, khó đòi.
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong công tác an toàn, PCCC tại hệ thống CHXD trực thuộc;
- Tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội. Quản trị công ty công khai, minh bạch và đặt lợi ích của Công ty trong sự kết hợp hài hòa với lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động.

2. Kế hoạch năm 2025

Dự báo năm 2025 sẽ là năm tiếp tục khó khăn với thị trường xăng dầu trong nước do thị trường thế giới biến động khó lường.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 như sau:

Tổng sản lượng tiêu thụ: 127.000 m³

Doanh thu: 1.909,1 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 10 tỷ đồng.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024:

1. Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức gồm 5 thành viên. HĐQT Công ty hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được

quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty, có quy chế phối hợp giữa HĐQT và Ban Giám Đốc nhằm thuận lợi cho công tác quản lý và chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty.

2. Hoạt động của HĐQT:

2.1 Hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc:

- HĐQT Công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT. HĐQT không can thiệp vào công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám Đốc, luôn tạo điều kiện và hỗ trợ Giám Đốc trong việc thực hiện hiệu quả các nghị quyết và quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Thường xuyên giám sát, đôn đốc và chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, chỉ đạo phát triển các CHXD.

- Chỉ đạo, giám sát việc quản lý công nợ phải thu, phải trả, xử lý/thu hồi công nợ/nợ tồn đọng trong kinh doanh, tránh để phát sinh nợ xấu; chỉ đạo xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí tại Công ty.

- Giám sát và chỉ đạo việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản: sửa chữa các CHXD và các địa điểm kinh doanh; xử lý các tồn đọng trong công tác đầu tư, hồ sơ pháp lý các khu đất; phát triển hệ thống các CHXD.

- Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt định biên, kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương năm 2024, quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2023.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung các văn bản quản lý nội bộ để phù hợp với các văn bản pháp luật mới có hiệu lực của Nhà nước và tình hình thực tế của Công ty; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD; nâng cao công tác quản trị trong hoạt động bán lẻ tại các CHXD; tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động tại các CHXD.

- HĐQT thường xuyên phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với Giám Đốc và Ban Kiểm soát trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định nội bộ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đều được gửi kịp đến Giám Đốc và thông báo đến Ban kiểm soát. Tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT thường xuyên được giám sát và định kỳ xem xét đánh giá.

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám Đốc: HĐQT đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành kinh doanh năm 2024 của Ban Giám Đốc. Ban Giám Đốc và các cán bộ quản lý đã chủ động và quyết liệt trong công tác điều hành, triển khai nhiều giải pháp kinh doanh phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường, có vai trò quan trọng, quyết định đến việc thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao; tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.2 Hoạt động của HĐQT trong năm 2024.

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT các nội dung như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung chính
14	17/NQ-TMC-HĐQT	28/6/2024	Nghị quyết HĐQT về việc phân công ông Lại Thế nghĩa phụ trách hoạt động của Hội đồng quản trị (từ 01/7/2024 đến 22/7/2024).
15	18/QĐ-TMC-HĐQT	28/6/2024	Quyết định HĐQT về việc quyết toán quỹ tiền lương năm 2023.
16	19/QĐ-TMC-HĐQT	28/6/2024	Quyết định HĐQT về việc bổ sung chức danh công việc và điều chỉnh hệ số phụ cấp trong Quy chế Trả lương của Công ty.
17	20/NQ-TMC-HĐQT	09/07/2024	Nghị quyết bổ nhiệm lại cán bộ
18	21/QĐ-TMC-HĐQT	12/07/2024	Nghị quyết thông qua chủ trương cho thuê tầng 4 Tòa nhà TMC tại 231 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức.
19	25/NQ-TMC-HĐQT	22/07/2024	Nghị quyết bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.
20	26/QĐ-TMC-HĐQT	01/08/2024	Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ.
21	29/QĐ-TMC-HĐQT	12/08/2024	Quyết định phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Công ty.
22	30/QĐ-TMC-HĐQT	12/08/2024	Quyết định thành lập hội đồng xét duyệt bán nợ.
23	33/NQ-TMC-HĐQT	09/09/2024	Nghị quyết bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
24	34/QĐ-TMC-HĐQT	09/09/2024	Quyết định bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
25	37/QĐ-TMC-HĐQT	25/10/2024	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của Công ty.
26	38/QĐ-TMC-HĐQT	25/10/2024	Quyết định ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty.
27	41/NQ-TMC-HĐQT	07/11/2024	Nghị quyết thông qua báo cáo thực hiện hoạt động SXKD 9 tháng năm 2024 và kế hoạch hoạt động quý IV năm 2024.
28	44/QĐ-TMC-HĐQT	20/11/2024	Quyết định ban hành Quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chức năng của Công ty.

2.3 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

Tiền lương, thù lao và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024. Tổng số tiền thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách thực hiện năm 2024 là 216 Tr.đồng.

2.4 Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

21

Theo Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT, ông Phạm Xuân Phong - Thành viên HĐQT độc lập có nhiệm vụ:

- Phát triển thị trường ngoài lĩnh vực xăng dầu của Công ty;
- Phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát/kiểm toán của Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

Trong năm 2024, Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực cho Công ty về hoạt động kinh doanh và các mặt hoạt động của Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty như sau:

- Năm 2024, HĐQT của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty. HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT; HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo, giám sát Ban điều hành về việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành Công ty giải quyết một số khó khăn trong hoạt động của Công ty, hạn chế rủi ro.

2.5 Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định, quy chế của HĐQT.

- Tiểu ban chính sách phát triển: tham mưu cho HĐQT về chiến lược kinh doanh của Công ty; tham mưu cho HĐQT về việc đầu tư, phát triển mới các cửa hàng xăng dầu.
- Tiểu ban nhân sự, lương thưởng: rà soát, góp ý về các chính sách về tiền lương, thưởng của Công ty.

2.6 Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Giao dịch mua bán xăng dầu với các đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) để kinh doanh. PVOIL là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. Tổng trị giá giao dịch thực hiện trong năm 2024 là 1.981.715.323.510 (Một ngàn chín trăm tám mươi một tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn, năm trăm mười đồng), cụ thể như sau:

Giao dịch mua xăng dầu từ Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) để kinh doanh. SAIGON PETRO là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức. Tổng trị giá giao dịch thực hiện trong năm 2023 là 279.493.942.721 đồng (Hai trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi một đồng.)

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA HĐQT

11

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; tập trung các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tiếp tục cải thiện hiệu quả kinh doanh;
- Xem xét phê duyệt các phương án huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư CHXD;
- Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ để xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định tạo khung pháp lý cần thiết đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng kính trình

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thắng

Số: 03 /BC-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**
(Trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính thưa Đoàn Chủ tịch, kính thưa quý vị Cổ đông, thưa toàn thể Đại hội.

Sau đây tôi xin thay mặt Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội báo cáo kiểm soát năm 2024 như sau:

PHẦN 1: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện triển khai các nội dung công việc sau:

1. Hàng tháng, xem xét, đánh giá các công việc:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo các kênh xăng dầu, bán buôn, bán công nghiệp, bán lẻ, các dịch vụ kinh doanh khác về sản lượng, doanh thu, giá vốn, lãi gộp, chi phí, lợi nhuận so với mục tiêu kế hoạch.
- Giám sát, đánh giá, khuyến nghị ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định, chỉ thị của HĐQT. Giám sát ban điều hành trong việc tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy trình quy chế của Công ty.
- Thẩm định, phân loại, theo dõi hợp đồng và các bảo lãnh thanh toán của khách hàng.
- Giám sát trong việc bán xăng dầu đúng thị trường, đúng đối tượng đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu.
- Xem xét, đánh giá các khoản công nợ phải thu, phải trả, phản ánh kiến nghị các rủi ro.
- Xem xét, đánh giá tiền mặt tại quỹ Công ty và các chi nhánh, tiền gửi tại các Ngân hàng, tiền vay, tiền gửi có kỳ hạn, việc sử dụng nguồn vốn, dòng tiền, các khoản đầu tư tài chính.
- Xem xét, đánh giá về hàng tồn kho, nguồn hàng, hao hụt tại các cửa hàng xăng dầu.
- Xem xét, đánh giá về các khoản đầu tư, duy tu, sửa chữa, xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

2. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của Công ty, đưa ra các khuyến nghị bổ sung sửa đổi.

3. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, các rủi ro, khả năng bảo toàn vốn.

4. Phối hợp với Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong công tác kiểm soát tại Công ty.

5. Gửi các báo cáo kiểm soát cho Ban điều hành hàng tháng.

PHẦN 2: KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

A. Hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

Trong phạm vi đánh giá, Ban kiểm soát nhận thấy:

- Hội đồng quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định theo Điều lệ, quy chế và quy định của Công ty. Trong năm 2024 HĐQT đã ban hành tổng cộng 28 Nghị quyết và Quyết định giao cho ban điều hành thực hiện.

- Trong năm 2024, Ban Giám đốc cũng đã tuân thủ đầy đủ Điều lệ, các quy chế, quy định của công ty như: Quy chế tài chính; Quy chế quản lý nợ; Quy định về thanh toán; Quy chế mua sắm hàng hóa và hoặc thuê dịch vụ; Quy trình mua hàng hóa, tài sản, dịch vụ; Quy chế thực hiện dân chủ và nhiều quy trình quy định khác.

- Hội đồng quản trị đã luôn bám sát các mục tiêu, định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong quá trình triển khai các nhiệm vụ cụ thể, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, biến động lớn về giá dầu cũng như các khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu, xong Hội đồng quản trị cũng đã đưa ra các giải pháp kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã ban hành tương đối đầy đủ các Quy trình, quy chế phục vụ cho công tác điều hành quản lý. Các quy trình, quy chế, quy định đã được Ban Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

- Trong quá trình thực hiện công tác kiểm soát, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các bộ phận phòng ban hỗ trợ đầy đủ thông tin, số liệu phục vụ cho công tác kiểm soát.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông đúng theo quy chế, rõ ràng về thông tin, số liệu và không có gì vướng mắc.

B. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh.

I. Báo cáo tài chính năm 2024.

1. Các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức được Ban Giám đốc và Phòng Tài chính Kế toán của Công ty lập và được Công ty TNHH kiểm toán An Việt kiểm toán vào ngày 07/02/2025. Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán không có ý kiến loại trừ.

2. Tính hợp lệ của báo cáo.

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ theo quy định, đồng thời phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 31/12/2024:

a) Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) tại ngày 31/12/2024.

Dvt: triệu đồng.

TÀI SẢN		31/12/2024	31/12/2023
A/	TÀI SẢN NGẮN HẠN	173.003	171.003
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	47.475	34.245
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	745	745
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	77.786	69.227
IV.	Hàng tồn kho	46.476	65.799
V.	Tài sản ngắn hạn khác	519	985

B/	TÀI SẢN DÀI HẠN	164.190	172.067
I.	Tài sản cố định	116.190	120.149
II.	Tài sản dài hạn khác	38.232	40.135
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	337.194	343.070
	NGUỒN VỐN		
A/	NỢ PHẢI TRẢ	143.284	148.832
I.	Nợ ngắn hạn	129.269	131.742
II.	Nợ dài hạn	14.014	17.089
B/	VỐN CHỦ SỞ HỮU	193.909	194.238
I.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	124.000	124.000
II.	Thặng dư vốn cổ phần	27.458	27.458
III.	Quỹ đầu tư phát triển	31.164	30.867
IV.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.287	11.912
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế tới cuối kỳ trước</i>	1.262	24
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	10.024	11.888
*	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	337.194	343.070

b) Kết quả kinh doanh 2024.

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu thuần bán hàng và CC dịch vụ	2.489.000	2.539.694
<i>Trong đó : + Xăng dầu, nhớt</i>	<i>2.398.309</i>	<i>2.434.017</i>
<i>+ Xe máy</i>	<i>76.366</i>	<i>84.259</i>
<i>+ Mặt bằng</i>	<i>14.491</i>	<i>14.843</i>
2. Giá vốn hàng bán	2.348.055	2.408.082
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và Cc dịch vụ	140.945	131.611
4. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	2.746	3.075
5. Chi phí bán hàng	82.243	75.103
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.281	49.617
7. Lợi nhuận từ SXKD	12.166	9.966
8. Lợi nhuận từ hoạt động khác	587	5.371
9. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	12.753	15.338
10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.729	3.450
11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.024	11.888
12. Lãi cơ bản/cổ phiếu (đ)	808	724

c) Các chỉ tiêu khác:

Tổng vốn điều lệ của Công ty 124 tỷ đồng, trong đó:

+ Tổng Công ty Dầu Việt Nam-CTCP góp 63,25 tỷ đồng chiếm 51,01% vốn điều lệ.

+ Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp Hồ Chí Minh góp 18,47 tỷ đồng chiếm 14,90% vốn điều lệ.

+ Các cổ đông khác góp 42,27 tỷ đồng chiếm 34,09% vốn điều lệ.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty hiện đang được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội với mã cổ phiếu là TMC.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 264 người (tại ngày 31/12/2023 là 292 người).

- Tổng sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2024 là 128.443m³, đạt 101% kế hoạch năm.
- Doanh thu năm 2024 là 2.489 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 12,75 tỷ, đạt 126% kế hoạch năm.
- Tổng số thuế phải nộp NSNN trong năm 24,6 tỷ đồng, số đã nộp 25,2 tỷ đồng.

II. Kiểm soát Công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán.

Tổng số công nợ phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2024 là 49,2 tỷ đồng.

Về quản lý công nợ: công ty nghiêm túc trong việc quản lý và thu hồi công nợ. trong năm 2024, công ty không phát sinh thêm các khoản phải thu dây dưa, quá hạn.

Tổng số công nợ phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2024 là: 84,2 tỷ đồng. Trong đó nợ tiền mua xăng dầu từ PVOil Sài Gòn là 77,5 tỷ, còn lại nợ các nhà cung cấp dịch vụ khác.

III. Công tác quản lý hàng hóa.

Trong năm 2024, hoạt động vận chuyển kinh doanh xăng dầu được thực hiện an toàn, không có sự cố xảy ra. Chất lượng cũng như số lượng xăng dầu luôn được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định; công tác PCCC được tổ chức thường xuyên, nghiêm túc. Không có hiện tượng hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng.

Công tác quản lý hao hụt tại các CHXD được thực hiện tốt, luôn nằm trong định mức của công ty.

IV. Kết quả thực hiện đầu tư tại đơn vị năm 2024.

1. Phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu.

Trong năm 2024, Công ty đã thuê và đưa vào hoạt động mới được thêm 3 CHXD, đạt 150% kế hoạch phát triển CHXD. Nâng số CHXD của đơn vị đang hoạt động lên 26 CHXD.

2. Công tác đầu tư khác.

Về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị năm 2024 có các hạng mục và công ty đã thực hiện được như sau:

Đầu tư XDCB hoàn thành 3,06 tỷ đồng.

Mua sắm TTB: 1,22 tỷ đồng.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng CHXD, nâng cấp trụ bơm và văn phòng công ty bằng nguồn kinh phí luôn được thực hiện kịp thời, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng thiết bị. Đảm bảo cho máy móc thiết bị vận hành liên tục trong điều kiện tốt, không để xảy ra sự cố.

C. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty cũng như CHXD và các chi nhánh để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề còn tồn tại nhằm hạn chế rủi ro, nâng

cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước. Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến, kiến nghị gì từ phía cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các Cổ đông.

D. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức gồm có 3 thành viên

- 1) Ông Nguyễn Trọng Bình – TBKS;
- 2) Ông Nguyễn Thanh Bình – TV BKS;
- 3) Bà Ngô Phương Hạnh – TV BKS;

Theo như Kế hoạch chi trả thù lao của Ban kiểm soát theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 : Trưởng BKS hoạt động chuyên trách của công ty hưởng lương theo quy chế trả lương của Công ty; Thù lao của TV BKS kiêm nhiệm : 2 người x 3.000.000 đồng x 12 tháng = 72.000.000 đồng.

Các chi phí hoạt động của BKS như chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập : chưa phát sinh

E. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên

Trong năm 2024 thành viên Ban kiểm soát đã có nhiều trao đổi đánh giá và có 2 cuộc họp.

Stt	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp/tham dự	Lý do không tham gia họp
1	Ông Nguyễn Trọng Bình	2/2	
2	Ông Nguyễn Thanh Bình	2/2	
3	Bà Ngô Phương Hạnh	2/2	

N: 0
C
C
THUỐC
NHẬP
Đ
C
CHIN

Ban kiểm soát đã theo và nắm sát tình hình thực tế của doanh nghiệp. Cùng bàn bạc trao đổi và thống nhất kết luận kiến nghị với Giám đốc và Ban điều hành các vấn đề về: cảnh báo các công nợ có biểu hiện dây dưa, quá thời hạn thanh toán; Kiến nghị về các khách hàng giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu hết hạn; Kiến nghị về các công nợ sắp hết hạn bảo lãnh thanh toán mà vẫn còn công nợ; Kiến nghị về công tác đối chiếu công nợ; Kiến nghị về các khoản phải trả nhà cung cấp quá hạn về giá trị và thời gian; Kiến nghị về tối ưu hóa các khoản tiền nhàn rỗi; Các giải pháp kinh doanh; Theo dõi và tái ký các hợp đồng đã hết hạn; Kiến nghị về việc tăng cường kiểm tra giám sát và các kiến nghị khác v.v.

Ban điều hành cũng đã khắc phục xử lý được nhiều tồn tại trong năm, tình hình tài chính minh bạch, thu hồi được hết tạm ứng dây dưa, Không để phát sinh thêm nợ xấu, tạm ứng quá hạn, hạn chế tối đa nợ dây dưa, không còn ý kiến loại trừ trên báo cáo tài chính kiểm toán.

F. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

Trong năm toàn Công ty có mở tài khoản tại 43 ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản kinh doanh xăng dầu, xe gắn máy. Số tiền trong tài khoản thanh toán luôn ở mức vừa phải phục vụ nhu cầu thanh toán hàng ngày. Số tiền nhàn rỗi công ty đã kịp thời gửi qua tiền gửi có kỳ hạn để có được khoản lãi tiền gửi cao hơn, tối đa hiệu quả tiền vốn. Tổng số tiền lãi trong năm thu được là 378 triệu đồng cao hơn năm 2023 là 88 triệu đồng. Công ty chưa đi vay và không phát sinh chi phí lãi vay.

G. Báo cáo về các giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát thống nhất với báo cáo về các giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT của Hội đồng quản trị cụ thể:

- Giao dịch giữa Công ty với Tổ chức là cổ đông lớn và Tổ chức có liên quan đến cổ đông lớn trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Stt	Tên đơn vị	Mối quan hệ với Timexco	Nội dung chính hợp đồng giao dịch	Giá trị
I.	Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các Tổ chức là cổ đông lớn của Công ty			
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL)	Cổ đông lớn (nắm giữ 50,01 % cổ phần của Timexco)	Cho thuê mặt bằng;	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
2	Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn (nắm giữ 14,90% cổ phần của Timexco)	Mua bán xăng dầu	Đến trên 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
II.	Hợp đồng giao dịch Giữa Công ty với các Tổ chức có liên quan đến Tổ chức là cổ đông lớn của Công ty			
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến trên 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Công ty con của PVOIL	- Mua bán xăng dầu - Mua bán Dầu mỡ nhờn PVOIL	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

Stt	Tên đơn vị	Mối quan hệ với Timexco	Nội dung chính hợp đồng giao dịch	Giá trị
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty con của PVOIL	-Mua bán xăng dầu -Mua bán Dầu mỡ nhờn PVOIL	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty con của PVOIL	-Mua bán xăng dầu -Mua bán Dầu mỡ nhờn PVOIL	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PVOIL	-Thuê vận chuyển xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần

30144
CÔNG TY
THANH
MẠI
HÀ
PHÒNG
NH

Stt	Tên đơn vị	Mối quan hệ với Timexco	Nội dung chính hợp đồng giao dịch	Giá trị
				nhất của Công ty
	TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Công ty con của PVOIL	Mua bán xăng dầu	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
	Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil	Công ty con của PVOIL	- Mua bán xăng dầu - Mua Dầu mỡ nhờn PVOIL	Đến dưới 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

- Trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch, Timexco có giao dịch với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp như sau:

+ Timexco có phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn) là tổ chức có liên quan của ông Nguyễn Quốc Cường – thành viên HĐQT Công ty (ông Cường đồng thời là Giám đốc PVOIL Sài Gòn).

+ Timexco có phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (PVOIL Bình Thuận) là tổ chức có liên quan của ông Hoàng Đình Sơn – Nguyên Giám Đốc Công ty (ông Sơn đồng thời là Chủ tịch PVOIL Bình Thuận).

H. Một số nhận định, đánh giá.

Năm 2024 vẫn là một năm đầy khó khăn bởi biến động giá, nguồn cung xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ, cạnh tranh gay gắt về chiết khấu giữa các đầu mối xăng dầu, đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm tăng cao hơn so với năm trước, tuy nhiên Công ty vẫn đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể là vẫn giữ được thị trường, nhiều khách hàng đại lý và công nghiệp vẫn trung thành với Timexco, công tác quản lý hàng tồn kho tốt hơn, giảm giá thành, giảm chi phí hơn, quản lý hiệu quả nguồn tài chính, công việc kinh doanh ổn định, luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm, lợi nhuận đạt vượt kế hoạch.

Các hoạt động đầu tư nhìn chung đều đáp ứng nhu cầu SXKD, hiệu quả và đảm bảo quy trình, thủ tục đầu tư.

PHẦN 3: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát, đánh giá trên cơ sở:

- Xem xét tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Xem xét kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, công tác bán hàng, công nợ, hàng tồn kho, đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản lý điều hành trên cơ sở xem xét các báo cáo theo biểu mẫu hàng tháng mà Ban kiểm soát yêu cầu Ban điều hành, các phòng ban cung cấp cùng các báo cáo khác của Ban điều hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Kính cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

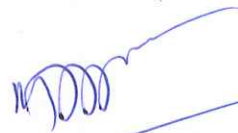
Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn và chúc các vị đại biểu, các vị khách quý cùng các quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Trọng Bình



Số: 01 /TTr-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu
Thủ Đức;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt,
Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính
năm 2024 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chính như sau:

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2024
A.	Tài sản ngắn hạn	173.003.579.142
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47.475.568.492
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	745.358.144
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	77.786.698.850
4	Hàng tồn kho	46.476.874.515
5	Tài sản ngắn hạn khác	519.079.141
B.	Tài sản dài hạn	164.190.809.496
1	Tài sản cố định	116.137.562.107
2	Bất động sản đầu tư	5.022.580.370
3	Đầu tư tài chính dài hạn	4.779.833.420
4	Tài sản dài hạn khác	38.232.315.080
	TỔNG TÀI SẢN	337.194.388.638
C.	Nợ phải trả	143.284.393.803
1	Nợ ngắn hạn	129.269.545.349
2	Nợ dài hạn	14.014.848.454
D.	Vốn chủ sở hữu	193.909.994.835
	TỔNG NGUỒN VỐN	337.194.388.638

n

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2024
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.489.000.782.722
2.	Giá vốn hàng bán	2.348.055.354.753
3.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.945.427.969
4.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.166.213.405
5.	Lợi nhuận khác	587.634.109
6.	Lợi nhuận trước thuế	12.753.847.514
7.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.024.304.981

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thắng

Số: 02/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán tiền lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH2014 đã được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-LĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập Khẩu Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc quyết toán quỹ tiền lương, thưởng, thù lao năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thưởng, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty như sau:

1. Thù lao thực hiện của TVHĐQT, TVBKS không chuyên trách:

STT	Chức danh	Thực hiện năm 2024 (Tr.đồng)	Kế hoạch năm 2025 (Tr.đồng)
1	TVHĐQT	4,5 Tr.đ/người/tháng	4,5 Tr.đ/người/tháng
2	Kiểm soát viên	3 Tr.đ/người/tháng	3 Tr.đ/người/tháng

- Tổng thù lao của TVHĐQT không chuyên trách thực hiện năm 2024 là: 216 triệu đồng.
- Kế hoạch thù lao của TVHĐQT không chuyên trách năm 2025 là: 216 triệu đồng.
- Tổng thù lao của TVBKS không chuyên trách thực hiện năm 2024 là: 72 triệu đồng.
- Kế hoạch thù lao của TVBKS không chuyên trách năm 2025 là: 72 triệu đồng.

2. Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát và Người quản lý chuyên trách được hưởng lương, thưởng theo Quy chế trả lương của Công ty và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

Chức danh	Số người	Thực hiện năm 2024 (Tr.đ/năm)	Kế hoạch năm 2025 (Tr.đ/năm)	Ghi chú
Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Ban điều hành	7	5.216	4.385	

Ghi chú: Tổng tiền lương của các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty nêu trên chưa bao gồm các khoản tiền thưởng, phúc lợi....được hưởng theo quy định của nhà nước và theo quy chế lương của Công ty. Chi tiết xem BCTC đã được kiểm toán cho năm 2024.

3. Quỹ thưởng Người quản lý

- Thực hiện năm 2024: 650 Triệu đồng.
- Kế hoạch năm 2025:
 - Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.
 - Lợi nhuận thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không qua 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thắng

Số: 03 /TTr-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
(Về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 06/NQ-TMC-ĐHĐCĐ ngày 29/3/2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức đã được kiểm toán;

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực tế trích lập, sử dụng, số dư các quỹ năm 2024; các quy định về tỷ lệ trích lập Quỹ Khen thưởng- phúc lợi; Quỹ thưởng Người quản lý.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2025 như sau:

1. Thực hiện năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển qua		1.262.788.848
2	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2024		10.024.304.981
3	Trích các quỹ năm 2024	40%	4.009.721.991
-	Quỹ đầu tư phát triển	8%	801.944.398
-	Quỹ khen thưởng	3%	300.729.149
-	Quỹ phúc lợi	22,5%	2.257.048.444
-	Quỹ thưởng người quản lý	6,5%	650.000.000
4	LNST chưa phân phối 2024 sau khi trích các quỹ (4=1+2-3)		7.277.371.838
5	Chia cổ tức 2024	5%	6.200.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau (7=4-5)		1.077.371.838

2. Kế hoạch năm 2025

Stt	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	LNST
2	Các khoản được trích vào LNST theo quy định	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 trước khi trích lập các quỹ	$3 = 1 - 2$
4	Trích lập các quỹ: - Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi của NLĐ - Quỹ thưởng Người quản lý - Quỹ Đầu tư Phát triển	Dự kiến 40% Lợi nhuận sau thuế năm 2025. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Công ty chủ động thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị
5	Lợi nhuận còn lại năm 2025 sau khi trích lập các quỹ	$5 = 3 - 4$
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
7	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2025	$7 = 5 + 6$
8	Chia cổ tức năm 2025	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Thắng

Số: **04** /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày **31** tháng **3** năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua danh sách đơn vị kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức;

Trên cơ sở xem xét các đơn vị kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Doanh nghiệp.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách đơn vị kiểm toán năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán trong danh sách dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và soát xét báo cáo tài chính hàng quý:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
2. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (AN VIỆT CPA)
3. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế (ICPA)

Kính trình!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trọng Bình

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM- CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT
NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Số: 05 /TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và
các giao dịch khác với Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí
Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Thực hiện theo Điều 167 (bao gồm khoản 1 và khoản 2) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, theo đó, các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO) là một trong những cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức.

Nhằm khai thác những lợi thế từ các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn trong việc mua, bán, thuê/cho thuê tài sản, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác đối với Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO).

Nội dung chính của các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với các Đơn vị trên sẽ do Công ty trực tiếp thỏa thuận và thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH U



Nguyễn Đức Thắng

Số: 06 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Thực hiện theo Điều 167 (bao gồm khoản 1 và khoản 2) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, theo đó, các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) là một trong những cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức.

Nhằm khai thác những lợi thế từ các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn trong việc mua, bán, thuê/cho thuê tài sản, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác đối với Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) và các đơn vị thành viên của PVOIL:

- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình (PVOIL Thái Bình)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PVOIL Nam Định)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng (PVOIL Hải Phòng)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân (PVOIL Cái Lân)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ (PVOIL Phú Thọ)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (PVOIL Thanh Hóa)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (PVOIL Vũng Áng)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung (PVOIL Miền Trung)

- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PVOIL Phú Yên)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận (PVOIL Bình Thuận)
- Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOIL Vũng Tàu)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mê Kông (Petromekong)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (PVOIL Bạc Liêu)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (PVOIL Trà Vinh)
- Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình (Thái Bình PSC)
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans)
- Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng Dầu (COMECO)

Nội dung chính của các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với các Đơn vị trên sẽ do Công ty trực tiếp thỏa thuận và thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Thắng

Số: 04/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop (SCID)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức

Thực hiện theo Điều 167 (bao gồm khoản 1 và khoản 2) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020, theo đó, các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng là cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ; các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ; doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op (SCID) là một trong những cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức.

Nhằm khai thác những lợi thế từ các cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn trong việc mua, bán, thuê/cho thuê tài sản, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Công ty thực hiện các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop (SCID), Công ty mẹ của SCID (Liên hiệp HTX Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op)) và các đơn vị thành viên của Saigon Co.op (Người có liên quan với người nội bộ).

Nội dung chính của các hợp đồng mua, bán, thuê/cho thuê tài sản và các giao dịch khác với các Đơn vị trên sẽ do Công ty trực tiếp thỏa thuận và thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *h*

Nguyễn Đức Thắng

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK THỦ ĐỨC

Số: 08 /TTr-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua **Quy chế nội bộ về quản trị** của Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức như tài liệu kèm theo.

Tài liệu kèm theo: Quy chế nội bộ về quản trị của Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức

Kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *n*



Nguyễn Đức Thắng

TÓM TẮT NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Toàn bộ nội dung Quy chế gồm 11 chương và 65 điều, được xây dựng theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty cổ phần niêm yết theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức. Cụ thể như sau:

1. **Chương I:** Quy định chung gồm 3 điều: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

2. **Chương II:** gồm 18 điều, quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên/bất thường, trong đó quy định cụ thể các vấn đề như sau:

- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;
- Việc triệu tập ĐHĐCĐ;
- Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
- Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ;
- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- Điều kiện tiến hành;
- Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Cách thức bỏ phiếu;
- Cách thức kiểm phiếu;
- Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
- Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ;
- Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. **Chương III:** gồm 9 điều, quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị, trong đó quy định cụ thể các vấn đề như sau:

- Hội đồng quản trị;
- Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;
- Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị;
- Cách thức bầu Thành viên HĐQT;
- Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

4. **Chương IV:** gồm 7 điều, quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp hội đồng quản trị, cụ thể các quy định sau:

- Cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo họp Hội đồng quản trị;
- Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Bỏ phiếu trước bằng văn bản;
- Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị.

5. **Chương V:** gồm 1 điều, quy định về Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

6. **Chương VI:** gồm 7 điều, quy định về Ban kiểm soát, cụ thể các quy định sau:

- Kiểm soát viên;
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát;
- Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;
- Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- Thông báo về việc thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên;
- Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

7. **Chương VII:** gồm 01 điều, quy định về Giám đốc công ty

8. **Chương VIII:** gồm 13 điều, quy định về việc quy chế làm việc, quan hệ công tác và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

9. **Chương IX:** gồm 2 điều, quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý.

10. **Chương X:** gồm 6 điều, quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị, bổ nhiệm người công bố thông tin.



11. **Chương XI:** gồm 2 điều, quy định về thanh tra kiểm tra và xử lý vi phạm.

12. **Chương XII:** gồm 2 điều : quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC**
(ITIMEXCO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Nội bộ về quản trị Công ty của

Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TMC ngày tháng năm 202..
của Hội đồng quản trị Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức (sửa đổi, bổ sung) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/03/2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021; (Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020 ĐHCĐ Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;)

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, và những người liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. Quản trị công ty: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty;

b. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty;

c. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty;

d. BKS: Ban Kiểm soát của Công ty;

đ. Công ty: là Cổ phần Thương Mại XNK Thủ Đức ;

e. Điều lệ: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ở từng thời điểm;

f. Cổ đông: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại mục b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại mục c, d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các mục b,c,d khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên

trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

3. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định sau đây:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Điều 12. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4,6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- e. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1,3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định

theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 18. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 20. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông (hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên các phương tiện thông tin sau:

- Website của Công ty;
- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- Trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT.

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên

độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó không đủ sức khỏe, tinh thần để đảm nhận chức vụ và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng.

đ. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 24. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 65% số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) thành viên và nếu từ 65% số phiếu có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Cách thức bầu Thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

Điều 27. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 30. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.

2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Điều 33. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

2. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 34. Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 35. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty trong thời hạn ít nhất là mười lăm (15) năm.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

Điều 37. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V

CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 38. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

CHƯƠNG VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

3. Kiểm soát viên phải đáp ứng không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

26. Trách nhiệm của Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

27. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 65% số phiếu có quyền biểu quyết được đề cử 02 (hai) thành viên và nếu từ 65% số phiếu có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Thông báo về việc thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

Khi thay đổi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở GDCK bản cung cấp thông tin của Kiểm soát viên mới (nếu có) và theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 45. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát ;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

4. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát chuyên trách được trả theo quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.

CHƯƠNG VII GIÁM ĐỐC

Điều 46. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế theo Quy định của Pháp luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

7. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc Tương tự như điều 30 Quy chế này.

CHƯƠNG VIII

QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 47. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 48. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, miễn cưỡng, tận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

Điều 49. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Giám đốc, các Phó giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

Điều 50. Nhiệm vụ của của Thư ký Công ty

1. Thư ký Công ty có trách nhiệm sau:

a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;

đ. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;

g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;

i. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.

k. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.

2. Thư ký Hội đồng quản trị được hưởng các quyền lợi theo quy chế, quy định của Công ty.

Điều 51. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

S.N.
TH
XUẤT
TH
TIM
G.T.

Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty và phải tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ.

Điều 52. Trách nhiệm báo cáo cho Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị hoặc cá nhân thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm sao gửi các quyết định của Hội đồng quản trị cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 53. Tham gia của Ban kiểm soát tại các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền của Trưởng Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị sau khi thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về sự tham dự của mình.

Điều 54. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Quy chế này và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

II. GIÁM ĐỐC

Điều 55. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 56. Trách nhiệm của Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 57. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc

1. Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

2. Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.

3. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

5. Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Giám đốc.

III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 58. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Công ty và các cổ đông;

Điều 59. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi cũ họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát

những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;

5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;

6. Ban Kiểm soát được nhân danh Công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;

7. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

CHƯƠNG IX

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 60. Đánh giá hoạt động

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 61. Khen thưởng

- 1. Thẩm quyền khen thưởng:

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- Giám đốc quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do Giám đốc bổ nhiệm;

2. Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;

- Bằng hiện vật.

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công ty;

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình quỹ khen thưởng thực tế hàng năm để xây dựng mức khen thưởng phù hợp.

CHƯƠNG X

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ; BỔ NHIỆM NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định về pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
9. Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
11. Người phụ trách quản trị Công ty được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 64. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bãi nhiệm và thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. HĐQT có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Công ty tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 65. Bổ nhiệm Người công bố thông tin

Công ty bổ nhiệm ít nhất một cán bộ công bố thông tin. Cán bộ công bố thông tin có thể kiêm nhiệm các chức danh công việc khác.

Điều 66. Tiêu chuẩn của Người công bố thông tin

1. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học.
2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 67. Trách nhiệm của Người công bố thông tin

1. Công bố thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

CHƯƠNG XI

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 68. Thanh tra, kiểm tra

Căn cứ vào tình hình thực tế, Chủ tịch HĐQT sẽ quyết định việc thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này.

Điều 69. Xử lý vi phạm

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 70. Tổ chức thực hiện

- Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.
- Giám đốc Công ty có trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức và kiểm tra thực hiện Quy chế này tại Công ty.
- Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Điều 71. Điều khoản thi hành

- Quy chế này có 12 Chương, 71 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.
- Việc bổ sung, sửa đổi quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thắng



Số: 09/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức.

Để Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa Điều lệ Công ty như nội dung đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thắng

DỰ THẢO SỬA ĐIỀU LỆ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2025

ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	GHI CHÚ
ĐIỀU 18. PHÊ CHUẨN CÁC NGHỊ QUYẾT THÔNG QUA HÌNH THỨC GỬI BẢNG VẤN BẢN 1. Các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản: (...)	ĐIỀU 18. PHÊ CHUẨN CÁC NGHỊ QUYẾT THÔNG QUA HÌNH THỨC GỬI BẢNG VẤN BẢN 1. Các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này. 2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện cho tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản: (...)	Tham chiếu Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 Điều 147. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b) Định hướng phát triển công ty; c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có

		giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể công ty. Điều 148. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
--	--	--

	e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định. 3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị
--	--

014
ÔNG
PH
NG
TẬP
DƯ
CO
HO C

		quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định. 5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. 6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
ĐIỀU 20. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ (...) 5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người	ĐIỀU 20. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ (...) Bổ khoản 5	Đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14

khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.		
--	--	--

